

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07/05/2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO – TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Xuân Hùng.

2. Bà Đặng Thị Tuyết Hương.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Nhi - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào tham gia phiên toà: Bà Đặng Hiền Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/03/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 15/04/2024, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Kim C**, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

Đăng ký HKTT: **Tổ dân phố N, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.**

Nơi ở hiện nay: **Tổ dân phố L, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.**

* ***Bị đơn:*** Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1987 (*Vắng mặt*)

Đăng ký HKTT: **Tổ dân phố N, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.**

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Cháu **Vũ Kim N**, sinh ngày 16/12/2011 (*Vắng mặt*).

- Cháu **Vũ Kim N1**, sinh ngày 18/7/2014 (*Vắng mặt*).

- Cháu **Vũ Tuấn K**, sinh ngày 29/7/2016 (*Vắng mặt*).

+ ***Người đại diện theo pháp luật của cháu N, cháu N1, cháu K:***

- Chị **Nguyễn Kim C**, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

- Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1987 (*Vắng mặt*).

Đều đăng ký HKTT: **Tổ dân phố N, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.**

* *Người làm chứng:*

- Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1963 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: **Tổ dân phố L, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.**

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: **Tổ dân phố N, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/09/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Nguyễn Kim C** trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Kim C** và anh **Vũ Văn T** đăng ký kết hôn tự nguyện tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện M (nay là phường N, thị xã M), tỉnh Hưng Yên** vào ngày 11/01/2011 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào đầu năm 2023 và căng thẳng nhất vào khoảng tháng 04/2023. Thực tế, vào tháng 09/2023, chị **C** đi về nhà bố mẹ đẻ ở tại **Tổ dân phố L, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên**. Từ khi đi, chị **C** không quay trở lại chung sống cùng anh **T** lần nào, hai bên không gặp nhau, không trao đổi về đoàn tụ. Nguyên nhân là do anh **T** thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm vợ con; Vợ chồng bất đồng về tư tưởng, cách sống, cách suy nghĩ về mọi mặt trong cuộc sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình; Anh **T** có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, tuy nhiên chị **C** không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc này. Hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn nhưng tình cảm không được cải thiện và thực tế đang ly thân nhau, không quan hệ vợ chồng, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người đó quản lý. Nay chị **C** xác định cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống của ai chỉ biết bản phận của người đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên không thể sống chung. Vì vậy, chị **C** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T** để mỗi bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị **C** và anh **T** có 03 con chung là cháu **Vũ Kim N** - sinh ngày 16/12/2011, cháu **Vũ Kim N1** - sinh ngày 18/07/2014 và cháu **Vũ Tuấn K** - sinh ngày 29/07/2016; Hiện nay chị không thai nghén. Các con chung đều đang ở với anh **Vũ Văn T**. Chị **C** và anh **T** hiện tại đều có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện trang trải cuộc sống, nuôi dưỡng các con chung. Các con chung đã trên 07 tuổi nên chị **C** tôn trọng nguyện vọng của các con. Nếu anh **T** nuôi con chung và yêu cầu chị **C** cấp dưỡng thì chị **C** đồng ý. Trong trường hợp chị **C** nuôi con chung thì chị **C** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **C** đang làm được sĩ tại **Công ty K1**, mức thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, **Công ty K1** hiện nay đang trong quá trình chuyển địa điểm công ty nên tạm thời bộ phận được sĩ của chị **C** được tạm nghỉ đến khoảng đầu tháng 5/2024 mới tiếp tục đi làm.

Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Khi ly hôn, chị **C** tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu lớn **Vũ Kim N** và cháu nhỏ **Vũ Tuấn K** trình bày: Bố mẹ các cháu là **Vũ Văn T** và **Nguy K**, hiện tại bố mẹ các cháu không ở cùng nhau, mỗi người sống một nơi. Mẹ các cháu đang ở nhà ông bà ngoại tại **Tổ dân phố L, phường P, tỉnh Hưng Yên**. Còn bố các cháu ở nhà với ông bà nội tại **Tổ dân phố N, phường N, thị xã M**. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn nhau, hai cháu có nguyện vọng ở với bố là **Vũ Văn T**. Cuối tuần mẹ các cháu có thể đến thăm chị em cháu cũng được.

- Cháu **Vũ Kim N1** trình bày: Bố mẹ cháu là **Vũ Văn T** và **Nguy Kim C**, hiện tại bố mẹ cháu không ở cùng nhau, mỗi người một nơi. Mẹ cháu đang ở nhà ông bà ngoại tại **Tổ dân phố L, phường P, tỉnh Hưng Yên**. Còn bố cháu ở nhà với ông bà nội tại **Tổ dân phố N, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên**. Nếu bố mẹ ly hôn nhau, cháu có nguyện vọng ở với mẹ là **Nguy Kim C**. Cuối tuần bố cháu có thể đến thăm cháu hoặc đón cháu về nhà ông bà nội để thăm ông bà và chơi với chị em của cháu cũng được.

* Người làm chứng bà **Phạm Thị Đ** (mẹ đẻ chị **C**) trình bày: Chị **Nguy Kim C** và anh **Vũ Văn T** đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện M** (nay là **phường N, thị xã M**) năm 2011. Chị **C** có nói cho bà biết, trong quá trình chung sống, giữa chị **C** và anh **T** đã phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào đầu năm 2023, nguyên nhân là do anh **T** thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm vợ con; vợ chồng bất đồng về tư tưởng, cách sống, cách suy nghĩ về mọi mặt trong cuộc sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình; Anh **T** có quan hệ tình cảm ngoài luồng với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Việc anh **T** có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác thì bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh vì việc này chị **C** tâm sự với bà nên bà biết. Thực tế, đến khoảng tháng 9 năm 2023, chị **C** đã đi về nhà bà ở **Tổ dân phố L, phường P** sống và từ đó đến nay không quay trở lại nhà sống cùng anh **T** lần nào. Bà cũng khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Nay chị **C** có nói với bà là tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc nên không thể đoàn tụ được và chị có nguyện vọng được ly hôn để ổn định cuộc sống. Việc chị **C** và anh **T** có ở được với nhau hay không là do anh chị tự quyết định. Vì vậy, nếu chị **C** kiên quyết xin ly hôn với anh **T** thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị **C** và anh **T** có 03 con chung là cháu **Vũ Kim N** - sinh ngày 16/12/2011, cháu **Vũ Kim N1** - sinh ngày 18/07/2014 và cháu **Vũ Tuấn K** - sinh ngày 29/07/2016. Bà **Đ** được biết, hiện tại chị **C** đang làm được sĩ tại **Công ty K1** nên có thu nhập ổn định, đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị **C** cũng cho bà biết, hiện nay, **Công ty K1** đang chuyển địa điểm công ty nên bộ phận được sĩ của chị **C** được tạm nghỉ đến khoảng tháng 5/2024 thì đi làm tiếp. Còn đối anh **T** đang làm nghề tự do, có thu nhập nhưng về mức thu nhập cụ thể thì bà **Đ** không biết. Nếu chị **C** và anh **T** ly hôn mà tự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị, còn nếu anh chị không tự thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các vấn đề về

tài sản chung, nợ, ruộng nông nghiệp và công sức: Bà không biết cụ thể, trường hợp chị C, anh T không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề nêu trên thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh T) trình bày: Anh T và chị C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M (nay là phường N, thị xã M) vào năm 2011 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại tổ dân phố N, phường N. Đến năm 2023 thì vợ chồng anh T, chị C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị C thường xuyên ghen tuông vô cớ. Đến khoảng giữa năm 2023 thì chị C dọn về nhà bố mẹ đẻ ở tại Tổ dân phố L, phường P ở và từ đó đến nay, chị C không quay trở về sống cùng anh T lần nào nữa. Bà H đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Nay, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Bà H xác định anh T và chị C có 03 con chung cháu Vũ Kim N, cháu Vũ Kim N1 và cháu Vũ Tuấn K. Bà H cho biết hiện nay chị C và anh T đều có công việc ổn định, có thu nhập đủ để trang trải cuộc sống, nuôi dưỡng con chung. Nếu anh T và chị C thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì bà yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Còn nếu anh chị không tự thỏa thuận được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các vấn đề về tài sản chung, nợ, ruộng nông nghiệp và công sức: Bà H không biết cụ thể, trường hợp chị C, anh T không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề nêu trên thì bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay: Vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Kim C và bị đơn anh Vũ Văn T; Vắng mặt toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như vắng mặt người làm chứng là bà Phạm Thị Đ và bà Nguyễn Thị H.

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Kim C và tóm tắt nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Kim C cũng như công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị **Nguyễn Kim C** và xử cho chị **C** được ly hôn với anh **Vũ Văn T**; Về con chung: Giao cháu **Vũ Kim N** - sinh ngày 16/12/2011 và cháu **Vũ Tuấn K** - sinh ngày 29/07/2016 cho anh **Vũ Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và giao cháu **Vũ Kim N1** - sinh ngày 18/07/2014 cho chị **Nguyễn Kim C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **C** về việc không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với cháu **N1**. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Kim C** và anh **Vũ Văn T** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **N**, huyện **M** (nay là phường **N**, thị xã **M**), tỉnh **Hưng Yên** năm 2011 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị **C** khởi kiện xin ly hôn với anh **T** nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh **Vũ Văn T** có nơi cư trú tại **Tổ dân phố N, phường N, thị xã M** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã **Mỹ Hào**, tỉnh **Hưng Yên** theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vắng mặt người làm chứng nhưng đều đã có lời khai đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị **Nguyễn Kim C** cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã thể hiện rõ: Trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào năm 2023. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống cũng như cách nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Thực tế, anh chị đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Nay chị **N2** Kim Cúc xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm nên chị **C** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh **T**. Đối với anh **Vũ Văn T**, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập anh **T** đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải nhưng anh **T** không đến nên việc hòa giải giữa vợ chồng anh chị không tiến hành được. Điều này đã thể hiện việc anh **T** không cố gắng trong việc hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng và thực tế cho đến nay anh chị vẫn đang ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Điều đó đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, có đầy đủ

căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị **Ngụy Kim C** và giải quyết cho chị **C** được ly hôn với anh **Vũ Văn T**.

[3] Về con chung: Chị **C** và anh **T** có 03 con chung là cháu **Vũ Kim N** - sinh ngày 16/12/2011, cháu **Vũ Kim N1** - sinh ngày 18/07/2014 và cháu **Vũ Tuấn K** - sinh ngày 29/07/2016. Hội đồng xét xử, xét thấy: Đối với cháu lớn **Nguyễn Kim N3** và cháu nhỏ **Vũ Tuấn K**: Các cháu đều có lời khai thể hiện nguyện vọng được ở cùng với bố là anh **T**, việc này chị **C** cũng đồng ý; Còn đối với cháu thứ hai là **Nguyễn Kim N4**, cháu cũng có quan điểm thể hiện nguyện vọng xin được ở cùng với chị **Ngụy Kim C**, chị **C** đồng ý với nguyện vọng của cháu **N4**. Thực tế cho thấy: Từ khi vợ chồng chị **C** và anh **T** ly thân nhau cho đến nay thì các cháu **N3**, **N4**, **K** vẫn đang sống cùng với anh **T**. Nay cháu **N3**, cháu **K** có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng anh **T** và cháu **N4** có nguyện vọng được ở cùng chị **C**. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tôn trọng nguyện vọng của các cháu và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên sẽ giao cháu **N3**, cháu **K** cho anh **Vũ Văn T** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu **N3**, **K** thành niên và giao cháu **N4** cho chị **N2** Kim Cúc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **Ngọc thành n**. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Ngụy Kim C** về việc tự nguyện không yêu cầu anh **Vũ Văn T** phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với cháu **N4**.

[4] Về tài sản; về công nợ; về công sức và ruộng nông nghiệp: Chị **C** tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh **T**, chị **C** có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị **Ngụy Kim C** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngụy Kim C**. Xử cho chị **Ngụy Kim C** được ly hôn anh **Vũ Văn T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Vũ Kim N** - sinh ngày 16/12/2011 và cháu **Vũ Tuấn K** - sinh ngày 29/07/2016 cho anh **Vũ Văn T** chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi hai cháu **N** và **K** thành niên; Giao cháu **Vũ Kim N1** - sinh ngày 18/07/2014 cho chị **N2** Kim Cúc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu **Ngọc thành n**.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Nguyễn Kim C** về việc tự nguyện không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với cháu **Vũ Kim N1**.

Anh **Vũ Văn T**, chị **Nguyễn Kim C** có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh **T**, chị **C** thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung: Anh **Vũ Văn T**, chị **Nguyễn Kim C** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản, công nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc chị **Nguyễn Kim C** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị **C** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001613 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, chị **C** đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Nhân Hòa;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**